

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Anh	Dũng	3575031520	18/03/1993	,00			Nợ HP
2	Lê Phú Trường	Ân	3772050873	17/11/1995	1,00	,00	,30	
3	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995	3,00	1,00	1,60	
4	Trần Minh	Thanh	3772050980	26/12/1995	3,50	,50	1,40	
5	Lê Tiến	Vũ	3772050987	12/10/1995	3,50	2,30	2,70	
6	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995	2,50	,00	,80	
7	Trần Thành	Hiền	3772051010	13/05/1995	1,00	,30	,50	
8	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993	2,50	1,30	1,70	
9	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995	,00			
10	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994	6,50	,30	2,20	
11	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995	3,00	3,00	3,00	
12	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995	1,00	,00	,30	
13	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995	3,50	2,00	2,50	
14	Đỗ Cao	Trí	3772051043	30/07/1995	3,80	2,50	2,90	
15	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994	4,50	1,50	2,40	
16	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995	3,50	2,00	2,50	
17	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995	,00			
18	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994	,00			
19	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995	,00			
20	Nguyễn Văn	Hường	3772051061	29/08/1995	1,00			
21	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995	2,50	,80	1,30	
22	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995	4,30	,00	1,30	
23	Lê Văn	Cảnh	3772051075	07/11/1995	6,50	7,50	7,20	
24	Phạm Quang	Hải	3772051077	25/12/1995	4,00	1,00	1,90	
25	Nguyễn Tấn	Tài	3772051081	02/07/1995	2,50	2,00	2,20	
26	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995	3,00	4,30	3,90	
27	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995	3,50	,00	1,10	
28	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994	,00			
29	Võ Công	Thọ	3772051092	26/03/1995	3,00	,30	1,10	
30	Vũ Hoài	Nam	3772051094	31/10/1994	6,00	3,00	3,90	
31	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995	4,00	3,30	3,50	
32	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995	3,50	1,30	2,00	
33	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995	3,50	,00	1,10	
34	Son Anh	Khoa	3772051107	30/11/1995	3,50	,00	1,10	
35	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995	3,00	,00	,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Thanh	Minh	3772051111	20/11/1995	2,50	2,50	2,50	
37	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995	3,00	2,50	2,70	
38	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995	4,00	4,30	4,20	
39	Đặng Thế	Trí	3772051132	20/02/1994	2,50	3,50	3,20	
40	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995	3,00	2,00	2,30	
41	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995	6,00	2,80	3,80	
42	Hà Quang	Chiến	3772051186	08/05/1995	3,50	2,00	2,50	
43	Phạm Trung	Cang	3772051187	25/09/1995	3,50	3,80	3,70	
44	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995	,00			
45	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995	,00			
46	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994	3,50	2,50	2,80	
47	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995	2,00			
48	Đặng Quốc	Quý	3772051210	27/08/1994	5,00	1,30	2,40	
49	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995	,00			
50	Nguyễn Tấn	Son	3772051278	26/06/1995	5,00	,80	2,10	
51	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995	4,30	,30	1,50	
52	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993	3,00	3,30	3,20	
53	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995	2,00	3,50	3,10	
54	Đoàn Thanh	Huy	3772051321	07/08/1995	4,00	,00	1,20	
55	Lê Thanh	Nhạc	3772051340	28/10/1995	2,50	,00	,80	
56	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995	3,50	2,00	2,50	
57	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994	2,00	,80	1,20	
58	Nguyễn Quốc	Dũng	3772051398	10/09/1995	4,00	1,80	2,50	
59	Trần Trí	Nghĩa	3772051409	20/01/1995	2,50	2,80	2,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)